

NGÂN HÀNG TNHH MTV
SHINHAN VIỆT NAM
Shinhan Bank Vietnam Limited

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 20-05-2019

12174

Số: BC 119/2019/SSD-SHBVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2019
Ho Chi Minh City, day 15 month 05 year 2019

**BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN/
NHÀ ĐẦU TƯ LỚN⁴**

**OWNERSHIP REPORT OF GROUP OF RELATED FOREIGN SHAREHOLDERS/ INVESTORS AS A
MAJOR INVESTOR**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

(Promulgated with the Circular N°123/2015/TT-BTC on August 18, 2015 of Minister of Finance guiding investment activities of foreigners investors in Vietnam Securities Market)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

To: - The State Securities Commission
- Hanoi Stock Exchange
- Saigon – Hanoi Securities Joint Stock Company/ SHS

1. Chúng tôi là: (thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin):

We are: (Information about the appointed organization/ individual authorized to to make report on the ownership and publish information)

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân Name of organization/ individual	Số giấy NSH* COI No.*	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email Head office address (Permanent address)/tel/ fax/ email
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/ In case appointed party is an organization (Name of Company A/Fund A and name of legal representation/ authorized representative, No of Owner's Certificate, Head office address)		

⁴ Nhà đầu tư lớn là nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng/ Major investor is the investor who owns more than 5% units of the close fund

a) Tên tổ chức/Name of organization: SHINHAN BANK VIETNAM LIMITED / Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	0309103635	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2,3,15 Tòa nhà Empress, số 138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ +84.2835 2879/ +84.23620 4400/ vietnamcustody@shinhan.com
b) Họ và tên đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Name of legal representative/ list of authorized individuals:	Kim Jae Hyun Nguyễn Ngọc Phương Trang	
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc):/In case, appointed party is an individual (Full name, COI No., Permanent address)		

Ghi chú NSH*: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/tài liệu pháp lý tương đương.

Note COI*: For an individual investor: valid Passport/social security No; for organizational investor: Certificate of Incorporation/Certificate of Business Registration No or equivalent legal document.

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sau: Appointed/authorized party to report on ownership and disclose information on behalf of related foreign investors as follow:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of related foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/ Investor's trading code	Tên đại diện giao dịch (nếu có)/Name of trading representative (if any)
1	YURIE VIETNAM ACCUMULATED TARGET RETURN FUND	CB7161	
2	YURIE VIETNAM SMART ACCUMULATED TARGET RETURN FUND	CB8442	
3	YURIE VIETNAM SECURITIES INVESTMENT TRUST (STOCK)	CA8662	
4	YURIE VIETNAM GOVERNMENT BOND IPO SPECIALIZED INVESTMENT TYPE PRIVATE PLACEMENT INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND -DERIVATIVE TYPE)	CB1831	
5	YURIE VIETNAM GOVERNMENT & PUBLIC BOND PUBLICLY OFFERED STOCKS SPECIALIZED INVESTMENT TYPE PRIVATE PLACEMENT INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND -DERIVATIVE TYPE)	CB1832	
6	YURIE VIETNAM PUBLIC OFFERED SECURITIES MASTER INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND)	CB0959	
7	YURIE VIETNAM PUBLICLY OFFERED STOCKS PLUS SPECIALIZED INVESTMENT TYPE PRIVATE PLACEMENT INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND - DERIVATIVE TYPE)	CB1830	

309
NG
T
SHI
VIỆ
PH

8	YURIE VIETNAM IPO SPECIALIZED INVESTMENT TYPE PRIVATE PLACEMENT INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND - DERIVATIVE TYPE)	CB1492	
---	--	--------	--

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng / mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**

Name of securities/ fund certificates/ securities code of reported object: Saigon – Hanoi Securities Joint Stock Company/ SHS

4. Ngày nhận trả cổ tức bằng cổ phiếu làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/ Stock dividend payment date observed changes in ownership rate of group of related foreign investors that made the group a minor investor: **13/05/2019**

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm NĐTNN có liên quan không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/ Detail on trades of members that made the group became a minor investor:

TT/ No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/ Name of related foreign investors executing trade	Tài khoản giao dịch chứng khoán/ Trading account No	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ Securities deposit account No	Trước khi thay đổi/Before change		Sau khi thay đổi/After change		Số lượng cổ phiếu thay đổi (do nhận cổ tức)
				Số lượng sở hữu/Size of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Rate of ownership	Số lượng sở hữu/Size of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Rate of ownership	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (6)-(4)
1	YURIE VIETNAM ACCUMULATED TARGET RETURN FUND	SHVFCB7 161	2809225152	0	0.00%	0	0.00%	0
2	YURIE VIETNAM SMART ACCUMULATED TARGET RETURN FUND	SHVFCB8 442	2810213741	334,000	0.32% (*)	422,500	0.20% (**)	88,500
3	YURIE VIETNAM SECURITIES INVESTMENT TRUST (STOCK)	HSBFCA8 662	091-668574-701	5,169,700	4.91% (*)	6,474,625	3.12% (**)	1,304,925
4	YURIE VIETNAM GOVERNMENT BOND IPO SPECIALIZED INVESTMENT TYPE PRIVATE PLACEMENT INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND -DERIVATIVE TYPE)	HSBFCB1 831	091-001685-701	0	0.00%	0	0.00%	0
5	YURIE VIETNAM GOVERNMENT & PUBLIC BOND PUBLICLY OFFERED STOCKS SPECIALIZED INVESTMENT TYPE PRIVATE PLACEMENT INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND -DERIVATIVE TYPE)	HSBFCB1 832	091-001248-701	0	0.00%	0	0.00%	0
6	YURIE VIETNAM PUBLIC OFFERED	HSBFCB0 959	091-158279-701	0	0.00%	0	0.00%	0

	SECURITIES MASTER INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND)							
7	YURIE VIETNAM PUBLICLY OFFERED STOCKS PLUS SPECIALIZED INVESTMENT TYPE PRIVATE PLACEMENT INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND -DERIVATIVE TYPE)	HSBFCBI 830	091-318709-701	0	0.00%	0	0.00%	0
8	YURIE VIETNAM IPO SPECIALIZED INVESTMENT TYPE PRIVATE PLACEMENT INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND -DERIVATIVE TYPE)	HSBFCBI 492	091-241018-701	0	0.00%	0	0.00%	0
Tổng cả nhóm NĐT nước ngoài có liên quan/Total group of related foreign investors				5,503,700	5.23% (*)	6,897,125	3.32% (**)	1,393,425

(*) Tỷ lệ này được tính toán dựa trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành của mã chứng khoán SHS trên HNX là 105,395,674 (trước khi thay đổi do phát hành thêm cổ phần trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu với ngày đăng ký cuối cùng là 15/01/2019)/ *This rate is calculated based on the outstanding shares of SHS on HNX which is 105.395.674 (before change the outstanding shares due to payment of 2017 stock dividend and right issue with record date of 15 Jan 2019)*

(**) Tỷ lệ này được tính toán dựa trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành của mã chứng khoán SHS trên HNX là 207,268,201 (sau khi thay đổi do phát hành thêm cổ phần trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu với ngày đăng ký cuối cùng là 15/01/2019)/ *This rate is calculated based on the outstanding shares of SHS on HNX which is 207.268.201 (after change the outstanding shares due to payment of 2017 stock dividend and right issue with record date of 15 Jan 2019)*

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn; *The report is conducted when group member(s) make(s) change to the group's rate of ownership and make(s) the group minor investor*

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/*The report list group member's rate of ownership, including members who do not trade;*

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán./*Securities deposit account is the investor's account opened at custody bank (if any) or securities trading account.*

6. Ngày không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/ *Date of becoming minor shareholder/investor: 13/05/2019*

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng.

We hereby certify that the information contained herein and in the attachment is true, complete and accurate.



